

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2017/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 13 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về công tác quản lý giá trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 217/TTr-STC ngày 17 tháng 3 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác quản lý giá trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2017 và thay thế Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về công tác quản lý giá trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công thương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Y tế, thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Hai

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về công tác quản lý giá trên địa bàn tỉnh Bình Thuận
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Thuận)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định công tác quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, gồm các lĩnh vực: Bình ổn giá, định giá của Nhà nước, hiệp thương giá, kiểm tra các yếu tố hình thành giá, kê khai giá, niêm yết giá, thanh tra chuyên ngành về giá.

2. Những nội dung về quản lý giá không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Luật Giá, Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ (gọi tắt là Nghị định số 177/2013/NĐ-CP), Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 (gọi tắt là Nghị định số 149/2016/NĐ-CP) và Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính (gọi tắt là Thông tư số 56/2014/TT-BTC), Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính (gọi tắt là Thông tư số 233/2016/TT-BTC).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Bình ổn giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá:

a) Xăng, dầu thành phẩm tiêu thụ nội địa ở nhiệt độ thực tế bao gồm:

Xăng động cơ (không bao gồm xăng máy bay), dầu hỏa, dầu điêzen, dầu mazut;

b) Điện bán lẻ;

- c) Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);
- d) Phân đạm urê; phân NPK;
- đ) Thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ;
- e) Vac-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;
- g) Muối ăn;
- h) Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi;
- i) Đường ăn, bao gồm đường trắng và đường tinh luyện;
- k) Thóc, gạo tẻ thường;
- l) Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục.

2. Danh mục mặt hàng cụ thể về phân bón (tại Điểm d); thuốc bảo vệ thực vật, Vac-xin phòng bệnh, muối ăn, đường, thóc, gạo (tại Điểm đ, Điểm e, Điểm g, Điểm i, Điểm k); sữa, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh (tại Điểm h, Điểm l) thực hiện theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Y tế.

3. Thực hiện các biện pháp bình ổn giá:

a) Trường hợp xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ trên địa bàn tỉnh:

- Sở Tài chính, Sở Công thương, các Sở quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm theo dõi sát diễn biến giá cả thị trường các mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá, báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý.

- Khi giá cả thị trường các mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá tăng quá cao hoặc giảm quá thấp bất hợp lý, Sở Tài chính chủ trì cùng Sở Công thương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cùng các cơ quan liên quan thực hiện:

+ Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định về công bố theo thẩm quyền các biện pháp bình ổn giá theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

+ Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn địa phương;

+ Kịp thời báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá có biến động bất thường và Chính phủ đã có quyết định biện pháp bình ổn giá, Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì cùng các cơ quan liên quan thực hiện:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn tỉnh theo quyết định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn địa phương;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Tài chính về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định.

4. Thực hiện đăng ký giá để bình ổn giá:

a) Trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá bắt đầu từ ngày cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đăng ký giá có hiệu lực và trước khi định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ bằng việc lập Biểu mẫu đăng ký giá theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 56/2014/TT-BTC, Khoản 6 Điều 2 Thông tư số 233/2016/TT-BTC gửi về Sở Tài chính và các sở quản lý ngành.

b) Sở Tài chính và các Sở quản lý ngành chịu trách nhiệm tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá theo quy trình quy định tại Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC, cụ thể:

- Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm a, b, c, d, đ, e, g, i, k Khoản 1 Điều 3 Quy định này;

- Sở Công thương tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 3 Quy định này;

- Sở Y tế tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm l Khoản 1 Điều 3 Quy định này;

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này trên địa bàn cấp huyện.

c) Sở Tài chính, Sở Công thương, Sở Y tế và các cơ quan liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh phải thực hiện đăng ký giá; đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp việc tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá về hàng hóa, dịch vụ cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 4. Hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá

1. Phân công trách nhiệm xây dựng phương án giá, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính:

a) Giá các loại đất: Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Giá cho thuê đất, thuê mặt nước: Sở Tài chính;

c) Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

d) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở: Sở Xây dựng;

đ) Giá nước sinh hoạt: Sở Xây dựng;

e) Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương: Sở Xây dựng;

g) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật: Thực hiện theo phương thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

h) Giá cụ thể đối với sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

i) Giá cụ thể đối với sản phẩm dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ: Sở Tài nguyên và Môi trường;

k) Giá cụ thể đối với sản phẩm dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước: Sở Công thương;

l) Giá cụ thể đối với sản phẩm dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước: Sở Giao thông vận tải;

m) Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh: Sở Giao thông vận tải;

n) Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý: Sở Giao thông vận tải;

o) Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: Sở Công thương;

p) Giá tối đa đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: Sở Giao thông vận tải;

q) Giá tối đa đối với dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước: Sở Xây dựng;

r) Giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước: Sở Xây dựng;

s) Khung giá đối với dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý: Sở Giao thông vận tải;

t) Khung giá đối với dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển), do địa phương quản lý: Sở Giao thông vận tải;

u) Khung giá đối với dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

v) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và Trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo: Ban Dân tộc;

x) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành: Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành.

2. Điều chỉnh mức giá do Nhà nước định giá:

a) Khi các yếu tố hình thành giá trong nước và giá thế giới có biến động ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống thi cơ quan được phân công xây dựng phương án giá tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh giá;

b) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá có quyền kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh mức giá theo quy định của pháp luật. Văn bản kiến nghị điều chỉnh giá của các tổ chức, cá nhân phải nêu rõ lý do, cơ sở xác định mức giá và gửi về cơ quan được phân công xây dựng

phương án giá tại Khoản 1 Điều này để được xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh hoặc trả lời cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh bằng văn bản nêu kiến nghị điều chỉnh giá không hợp lý.

3. Quy trình phối hợp thực hiện của các cơ quan Nhà nước trong việc trình, thẩm định và quyết định giá được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP, Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP và Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC, Khoản 6 Điều 2 Thông tư số 233/2016/TT-BTC, cụ thể:

a) Cơ quan được phân công xây dựng phương án giá theo quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm lập hồ sơ phương án giá theo hướng dẫn tại Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC Khoản 6 Điều 2, Thông tư số 233/2016/TT-BTC gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan; tổng hợp, hoàn chỉnh phương án giá gửi về Sở Tài chính đề nghị thẩm định. Riêng trường hợp thẩm định bằng giá đất, phương án giá đất cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ Hồ sơ phương án giá, Sở Tài chính phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản về nội dung phương án giá;

c) Cơ quan được phân công xây dựng phương án giá tổng hợp ý kiến thẩm định của Sở Tài chính, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị quyết định giá. Trong thời hạn tối đa không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phương án giá đã có ý kiến của cơ quan có liên quan và văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giá.

Điều 5. Hiệp thương giá

1. Hiệp thương giá thực hiện đối với hàng hóa, dịch vụ đáp ứng các điều kiện sau:

a) Hàng hóa, dịch vụ không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

b) Hàng hóa, dịch vụ quan trọng được sản xuất, kinh doanh trong điều kiện đặc thù hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế; có tính chất độc quyền mua hoặc độc quyền bán hoặc bên mua, bên bán phụ thuộc nhau không thể thay thế được.

2. Sở Tài chính là cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đối với hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Khi có đề nghị của bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai bên mua và bán;

b) Khi có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm tổ chức việc hiệp thương, thông báo kết quả hiệp thương giá bằng văn bản về mức giá được thỏa thuận cho các bên. Trường hợp đã tổ chức hiệp thương giá nhưng các bên chưa thống nhất được mức giá thì cơ quan tổ chức hiệp thương giá quyết định giá tạm thời để hai bên thi hành.

Quyết định giá tạm thời do cơ quan tổ chức hiệp thương công bố có hiệu lực thi hành tối đa là 06 tháng. Trong thời gian thi hành quyết định giá tạm thời, các bên tiếp tục thương thảo về giá. Nếu các bên thống nhất được giá thì thực hiện theo giá đã thống nhất và có trách nhiệm báo cáo cơ quan tổ chức hiệp thương biết giá đã thống nhất, thời gian thực hiện. Hết thời hạn 06 tháng, nếu các bên không thỏa thuận được giá thì cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá lần hai. Nếu các bên vẫn không đạt được thỏa thuận về giá thì quyết định giá tạm thời vẫn tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi đạt được thỏa thuận về mức giá.

4. Hồ sơ và trình tự, thủ tục hiệp thương giá: thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 10, Điều 11 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Điều 6. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra yếu tố hình thành giá trên địa bàn tỉnh đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 2 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định bình ổn giá, định giá;

b) Khi giá có biến động bất thường và theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hàng hóa, dịch vụ phải kiểm tra yếu tố hình thành giá bao gồm:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính, Sở Công thương, các sở quản lý ngành chịu trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức kiểm tra, thông báo kết luận kiểm tra yếu tố hình thành giá và xử lý vi phạm đối với từng trường hợp cụ thể theo trình tự, thủ tục quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 13, Điều 14 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP và nội dung hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Điều 7. Kê khai giá

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá bao gồm:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá;

b) Xi măng, thép xây dựng;

c) Than;

d) Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản;

đ) Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước;

e) Giá dịch vụ tại cảng biển;

g) Dịch vụ chuyên ngành hàng không thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá;

h) Cước vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm;

i) Sách giáo khoa;

k) Dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá;

l) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước;

m) Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi;

n) Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế;

o) Etanol nhiên liệu không biến tính; khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG);

p) Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt.

q) Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Phân công tổ chức tiếp nhận văn bản kê khai giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh phải thực hiện kê khai giá theo trình tự, thủ tục quy định tại Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP và nội dung hướng dẫn tại Khoản 7 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC cụ thể:

a) Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm b, c, d, đ, e, h, i, o Khoản 1 Điều này;

b) Sở Công thương tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm n Khoản 1 Điều này.

c) Sở Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm g, k, m Khoản 1 Điều này;

d) Sở Y tế tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm l Khoản 1 Điều này;

đ) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o Khoản 1 Điều này;

e) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 3 Quy định này có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì cùng các sở quản lý ngành thực hiện:

a) Căn cứ tình hình thực tế của địa phương tại từng thời điểm để tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung một số hàng hóa, dịch vụ đặc thù phải kê khai giá cho phù hợp;

b) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh phải thực hiện kê khai giá; hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá phân cấp cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận văn bản kê khai giá.

Điều 8. Niêm yết giá

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Thuận thực hiện niêm yết giá theo nguyên tắc:

a) Đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết đúng giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định và mua, bán đúng giá niêm yết;

b) Đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì niêm yết theo giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định và không được mua, bán cao hơn giá niêm yết.

2. Địa điểm niêm yết giá và cách thức niêm yết giá: Thực hiện theo Điều 17, Điều 18 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 9. Thanh tra chuyên ngành về giá

1. Thanh tra Sở Tài chính thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá trong phạm vi địa bàn tỉnh.
2. Hoạt động thanh tra chuyên ngành về giá thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.
3. Thanh tra chuyên ngành giá thực hiện xử lý hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật về thanh tra.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì cùng các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền; tổ chức thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành quy định của pháp luật về giá;

b) Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung về quản lý giá theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

2. Trách nhiệm của các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Tham gia phối hợp cùng Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền; tổ chức thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành quy định của pháp luật về giá;

b) Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung về quản lý giá theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quyết định này; triển khai và kiểm tra việc thực hiện các chính sách, biện pháp, quyết định về giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý ngành và địa bàn quản lý.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Ngọc Hai